



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11850/MB-HS

V/V: Công bố thông tin định kỳ về tình hình
thanh toán gốc, lãi của MB kỳ báo cáo bán
niên 2026

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: - Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Quý Nhà đầu tư

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế và Nghị định số 65/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2022/NĐ-CP, Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình thanh toán gốc, lãi như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 0054/NH-GP ngày 14/09/1994, thay thế bằng giấy phép số 03/GP-NHNN ngày 16 tháng 01 năm 2026 và các quyết định sửa đổi bổ sung.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 18 Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, Hà Nội
- Số điện thoại: 024.6266.1088
- Số Fax giao dịch: 024.6266.1080
- Địa chỉ thư điện tử: info@mbbank.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

- 1) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- 2) Phát hành chứng chỉ tiền gửi
- 3) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế;
 - e) Thư tín dụng
- 4) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
- 5) Cung ứng các phương tiện thanh toán
- 6) Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

AA



- a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
- b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của Ngân hàng Nhà nước
- 7) Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.
- 8) Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng nhà nước
- 9) Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước
- 10) Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật
- 11) Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước
- 12) Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
- 13) Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
- 14) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- 15) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước
- 16) Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.
- 17) Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất
- 18) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 19) Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- 20) Các hoạt động kinh doanh khác
 - a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
 - b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ không qua tài khoản;
 - c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;
 - d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;
 - đ) Kinh doanh vàng;
 - e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;
 - g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;
 - h) Phát hành trái phiếu;
 - i) Lưu ký chứng khoán;
 - k) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- 21) Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
- 22) Dầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
- 23) Mua nợ.
- 24) Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế

- Mã số thuế: 0100283873



2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu:

- Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2026 (từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)
- Ngày thống kê: 30/06/2026
- Nội dung báo cáo:

Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội

ST T	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dự nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng)	Trả lãi/Tr ả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1)=(2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trương hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán lãi gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc lãi
1	MBBL2432004	200,000,000,000	200,000,000,000	Lãi	04/04/2026	06/04/2026	06/04/2026	6.275	12,550,000,000	12,550,000,000				
2	MBBL2434008	200,000,000,000	-	Lãi	17/01/2026	19/01/2026	19/01/2026	6.475	3,264,109,590	3,264,109,590				
3	MBB12501	100,000,000,000	100,000,000,000	Lãi	29/04/2026	29/04/2026	29/04/2025- 29/07/2025: 6.275	6,404,452,054	6,404,452,054	6,404,452,054				
							29/07/2025- 29/10/2025: 6.275							
							29/10/2025- 29/01/2026: 6.275							
							29/01/2026- 29/04/2026: 6.800							
4	MBB12503	200,000,000,000	200,000,000,000	Lãi	09/05/2026	11/05/2026	11/05/2026	6.375	12,750,000,000	12,750,000,000				
5	MBB12504	50,000,000,000	50,000,000,000	Lãi	14/05/2026	14/05/2026	14/05/2026	6.175	3,087,500,000	3,087,500,000				
6	MBB12505	400,000,000,000	400,000,000,000	Lãi	30/05/2026	01/06/2026	01/06/2026	6.375	25,500,000,000	25,500,000,000				
7	MBB12506	50,000,000,000	50,000,000,000	Lãi	06/06/2026	08/06/2026	08/06/2026	6.175	3,087,500,000	3,087,500,000				
8	MBB12507	2,000,000,000,000	2,000,000,000,000	Lãi	18/06/2026	18/06/2026	18/06/2026	6.475	129,500,000,000	129,500,000,000				

AD

An

9	MBB12509	200,000,000,000	200,000,000,000	Lãi	20/06/2026	22/06/2026	6.375	12,750,000,000	12,750,000,000		
10	MBB12511	5,000,000,000,000	5,000,000,000,000	Lãi	24/06/2026	24/06/2026	5.400	270,000,000,000	270,000,000,000		
11	MBB12512	500,000,000,000	500,000,000,000	Lãi	24/06/2026	24/06/2026	6.175	15,395,205,479	15,395,205,479		
12	MBB12526	745,000,000,000	745,000,000,000	Lãi	30/03/2026	30/03/2026	6.200	22,905,178,082	22,905,178,082		
13	MBB12527	50,000,000,000	50,000,000,000	Lãi	15/06/2026	15/06/2026	7.025	1,751,438,356	1,751,438,356		
14	MBB12529	100,000,000,000	100,000,000,000	Lãi	17/06/2026	17/06/2026	7.025	3,502,876,712	3,502,876,712		
15	MBB12531	430,000,000,000	430,000,000,000	Lãi	29/03/2026	30/03/2026	6.700	7,103,835,616	7,103,835,616		
16	MBB12531	430,000,000,000	430,000,000,000	Lãi	29/06/2026	29/06/2026	6.700	7,261,698,630	7,261,698,630		
17	MBB12532	150,000,000,000	150,000,000,000	Lãi	30/06/2026	30/06/2026	7.025	5,254,315,068	5,254,315,068		
18	MBB12533	500,000,000,000	500,000,000,000	Lãi	30/03/2026	30/03/2026	6.400	7,890,410,959	7,890,410,959		
19	MBB12533	500,000,000,000	500,000,000,000	Lãi	30/06/2026	30/06/2026	6.400	8,065,753,425	8,065,753,425		

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

Nơi nhận:

-Nhu trên

-Lưu: VT, Trea, TA (03)

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG HỒ TRỢ TREASURY VÀ ĐÀU TƯ

Ý KIẾN PHÒNG KINH DOANH TRÁI PHÍẾU VÀ PHÁT HÀNH

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỐI NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TIỀN TỆ



[Signature]

Đỗ Thị Hải Yến

[Signature]

Phạm Hồng Quân

Đỗ Thị Minh Hạnh



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No: ~~1150~~/MB-HS

Re: Periodic disclosure of information on the
payment of principal and interest of MB for
the semi-annual reporting period of 2026

Hanoi, August 2026

To: - **Vietnam Stock Exchange**
- **Hanoi Stock Exchange**
- **Valued Investors**

Pursuant to the provisions of Circular No. 76/2024/TT-BTC dated November 06, 2024 of the Ministry of Finance guiding the regime of information disclosure and reporting on private placement and trading of individual bonds in the domestic market and the offering of corporate bonds to the international market and Decree No. 65/2022/ND-CP amending and supplementing a number of articles of Decree No. 153/2022/ND-CP, Military Commercial Joint Stock Bank (MB) sends periodic information disclosure on the payment of principal and interest as follows:

1. Business information:

- Name of enterprise: **Military Commercial Joint Stock Bank**
- Certificate of Business Registration No. 0100283873 issued by the Department of Planning and Investment of Hanoi City on 30/09/1994, amended for the 54th time on 16/05/2024
- Establishment and operation license: Establishment and operation license No. 0054/NH-GP dated September 14, 1994, replaced by license No. 03/GP-NHNN dated January 16, 2026 and decisions on amendments and supplements.
- Head office address: No. 18 Le Van Luong, Yen Hoa Ward, Hanoi
- Phone number: 024.6266.1088
- Transaction Fax Number: 024.6266.1080
- Email Address: info@mbbank.com.vn
- Type of Business: Public Company
- Main business activities:

Military Joint Stock Commercial Banks may carry out activities of the type of commercial bank in accordance with the provisions of law and the State Bank of Vietnam, including the following activities:

- 1) Accept demand deposits, term deposits, savings deposits and other deposits.
- 2) Issuance of certificates of deposit
- 3) Granting credit in the following forms:
 - a) Lending;
 - b) Discounts and re-discounts;
 - c) Bank guarantees;
 - d) Issuing credit cards;
 - dd) Domestic factoring; international factoring;
 - e) Letters of credit
- 4) Open a payment account for the customer.
- 5) Providing payment facilities
- 6) Providing payment services via the following accounts:

- a) Providing domestic payment services including cheques, payment orders, payment authorizations, collections, collection authorizations, money transfers, bank cards, collection and payment services;
 - b) Providing international payment services in accordance with the State Bank's regulations
 - 7) Borrowing from the State Bank in the form of refinancing.
 - 8) Buying and selling valuable papers with the State Bank
 - 9) Lending, borrowing, depositing, receiving deposits, buying and selling term of valuable papers with credit institutions and foreign bank branches in accordance with regulations of the State Bank
 - 10) Borrowing foreign loans in accordance with the provisions of law
 - 11) Opening a current account at the State Bank of Vietnam
 - 12) Open a payment account at a credit institution that provides payment services via account.
 - 13) Opening an overseas payment account in accordance with the law on foreign exchange.
 - 14) Internal payment organizations, participating in the national interbank payment system.
 - 15) Contributing capital and purchasing shares in accordance with the provisions of law and the guidance of the State Bank
 - 16) Trading and supplying foreign exchange services and products to domestic and foreign customers within the scope prescribed by the State Bank.
 - 17) Trading and supplying domestic and foreign customers with interest-related derivative services and products
 - 18) Entrusting, receiving entrustments, agents in banking activities, assigning payment agents in accordance with regulations of the State Bank of Vietnam.
 - 19) Insurance agents in accordance with the law on insurance business, in accordance with the scope of insurance agency activities as prescribed by the State Bank.
 - 20) Other Business Activities
 - a) Cash management services; treasury services for credit institutions and foreign bank branches; asset preservation services, rental of cabinets and safes;
 - b) Providing services of money transfer, collection and payment on behalf of non-accounts;
 - c) Buying and selling State Bank bills and corporate bonds; purchase and sale of debt instruments of the Government, government-guaranteed bonds, local government bonds and other valuable papers;
 - d) Currency brokerage services;
 - dd) Trading in gold;
 - e) Other services related to factoring and letters of credit;
 - g) Consultancy on banking activities and other business activities specified in the License;
 - h) Issuance of bonds;
 - i) Securities depository;
 - k) Collateral management agents for lenders being international financial institutions, foreign credit institutions, credit institutions and branches of foreign banks.
 - 21) Supply of commodity price derivatives.
 - 22) Investment in government bond futures.
 - 23) Buying debt.
 - 24) Join the international payment system
- Tax code: 0100283873

2. Payment of bond principal and interest:

- Reporting period: The first 6 months of 2026 (from 01/01/2026 to 30/06/2026)
- Statistical date: 30/06/2026
- Contents of the report:

Payment of bond principal and interest of Military Commercial Joint Stock Bank

ST T	Bond code	Issue value in par value (VND)	Principal balance value at par value at the end of the Statistical Day (VND)	Interest Payment/Principal Payment	Nominal Payment Date	Planned Payment Date	Actual payment date	Interest rate paid in the period (%/year)	Amount to be paid (VND) (1)=(2)+(3)+(4)	Amount paid on time (VND) (2)	In case the enterprise is late in paying the principal or interest of bonds			
											Late payment amount (3)	Unpaid Amount (4)	Reasons for late payment of principal and interest	Negotiations with investors on the payment of principal and interest
1	MBBL2432004	200,000,000,000	200,000,000,000	Interest	04/04/2026	06/04/2026	06/04/2026	6.275	12,550,000,000	12,550,000,000				
2	MBBL2434008	200,000,000,000	-	Interest	17/01/2026	19/01/2026	19/01/2026	6.475	3,264,109,590	3,264,109,590				
3	MBB12501	100,000,000,000	100,000,000,000	Interest	29/04/2026	29/04/2026	29/04/2026	29/04/2025-29/07/2025: 6.275	6,404,452,054	6,404,452,054				
								29/07/2025-29/10/2025: 6.275						
								29/10/2025-29/01/2026: 6.275						
								29/01/2026-29/04/2026: 6.275						
								29/04/2026: 6.800						
4	MBB12503	200,000,000,000	200,000,000,000	Interest	09/05/2026	11/05/2026	11/05/2026	6.375	12,750,000,000	12,750,000,000				
5	MBB12504	50,000,000,000	50,000,000,000	Interest	14/05/2026	14/05/2026	14/05/2026	6.175	3,087,500,000	3,087,500,000				
6	MBB12505	400,000,000,000	400,000,000,000	Interest	30/05/2026	01/06/2026	01/06/2026	6.375	25,500,000,000	25,500,000,000				
7	MBB12506	50,000,000,000	50,000,000,000	Interest	06/06/2026	08/06/2026	08/06/2026	6.175	3,087,500,000	3,087,500,000				

8	MBB12507	2,000,000,000,000	2,000,000,000,000	Interes t	18/06/2 026	18/06/ 2026	18/06/ 2026	6.475	129,500,0 00,000	129,500,000,0 00				
9	MBB12509	200,000,000,000	200,000,000,000	Interes t	20/06/2 026	22/06/ 2026	22/06/ 2026	6.375	12,750,00 0,000	12,750,000,00 0				
10	MBB12511	5,000,000,000,000	5,000,000,000,000	Interes t	24/06/2 026	24/06/ 2026	24/06/ 2026	5.400	270,000,0 00,000	270,000,000,0 00				
11	MBB12512	500,000,000,000	500,000,000,000	Interes t	24/06/2 026	24/06/ 2026	24/06/ 2026	6.175	15,395,20 5,479	15,395,205,47 9				
12	MBB12526	745,000,000,000	745,000,000,000	Interes t	30/03/2 026	30/03/ 2026	30/03/ 2026	6.200	22,905,17 8,082	22,905,178,08 2				
13	MBB12527	50,000,000,000	50,000,000,000	Interes t	15/06/2 026	15/06/ 2026	15/06/ 2026	7.025	1,751,438 ,356	1,751,438,356				
14	MBB12529	100,000,000,000	100,000,000,000	Interes t	17/06/2 026	17/06/ 2026	17/06/ 2026	7.025	3,502,876 ,712	3,502,876,712				
15	MBB12531	430,000,000,000	430,000,000,000	Interes t	29/03/2 026	30/03/ 2026	30/03/ 2026	6.700	7,103,835 ,616	7,103,835,616				
16	MBB12531	430,000,000,000	430,000,000,000	Interes t	29/06/2 026	29/06/ 2026	29/06/ 2026	6.700	7,261,698 ,630	7,261,698,630				
17	MBB12532	150,000,000,000	150,000,000,000	Interes t	30/06/2 026	30/06/ 2026	30/06/ 2026	7.025	5,254,315 ,068	5,254,315,068				
18	MBB12533	500,000,000,000	500,000,000,000	Interes t	30/03/2 026	30/03/ 2026	30/03/ 2026	6.400	7,890,410 ,959	7,890,410,959				
19	MBB12533	500,000,000,000	500,000,000,000	Interes t	30/06/2 026	30/06/ 2026	30/06/ 2026	6.400	8,065,753 ,425	8,065,753,425				

We commit to take full responsibility before the law for the content and accuracy of the information disclosed above./.

Recipients:

-As above

- Save: VT, Trea, TA (03)

Prepared by:

**Head of Treasury Support and Investment
Department**

Signed

Do Thi Hai Yen

Opinion from the Fixed Income Department

**On behalf of the General Director
Director of Treasury**

Signed

Pham Hong Quan

Signed

Do Thi Minh Hanh

